TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Quyết định giám đốc thẩm
Số: 259/2024/DS-GĐT
Ngày: 26/09/2024
V/v: *Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Ủy ban Thẩm phán-Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Phan Thanh Tùng;

Các Thẩm phán: ông Hoàng Thanh Dũng;

bà Phạm Thị Duyên.

Thư ký phiên tòa: ông Lê Văn Duẩn, Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Minh Sơn, Kiểm sát viên.

Ngày 26/09/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự về việc "*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*" giữa các đương sự:

1/Nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1956;

Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

2/Bị đơn:

Bà Trần Thị O, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Số 649 Hùng Vương, tổ dân phố Đồng Tâm, thị trấn Đinh Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị O (văn bản ủy quyền ghi ngày 10/6/2023):

-Ông Hoàng Văn C, sinh năm 1996;

-Ông Chu Quang L, sinh năm 1999;

Địa chỉ: 706 Hùng Vương, thị trấn Đinh Văn, huyện Lâm Hà,

tỉnh Lâm Đồng

3/Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1/Bà Đinh Thị Mai T, sinh năm 1986;

3.2/Bà Đinh Thị Mai T1, sinh năm 1991;

3.3/Bà Đinh Thị Thu Y, sinh năm 1992;

3.4/Ông Đinh Văn T2, sinh năm 1994;

3.4/Bà Đinh Thị Tú A, sinh năm 2001.

Cùng địa chỉ: 649 Hùng Vương, thị trấn Đinh Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

3.5/Ông Phạm Văn T3, sinh năm 1990;

Địa chỉ: thôn M, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, là bà Nguyễn Thị B, như sau:

Bà Nguyễn Thị B (bà B) cho bà Trần Thị O (bà O) vay tiền từ năm 2019. Đến ngày 23/07/2022, hai bên thực hiện việc đối chiếu công nợ, xác định bà O còn nợ số tiền là 992.000.000 đồng, thỏa thuận trả nợ vào cuối năm 2022.

Đến ngày 03/08/2022, bà O trả được 60.000.000 đồng, còn nợ lại 932.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận rằng tính lãi theo theo quy định của pháp luật, là 1,66%/tháng. Tuy nhiên, khi bà O ghi vào giấy nhận nợ thì đã ghi không đúng theo lãi suất đã thỏa thuận.

Khi đến hạn trả nợ, bà O đồng ý trả nợ bằng việc chuyển nhượng đất (để trừ nợ) nhưng với giá đất cao, nên bà B không đồng ý.

Vì vậy, bà B khởi kiện, đòi bà O phải trả số tiền gốc là 932.000.000 đồng và trả tiền lãi theo lãi suất 1,66%/tháng, tính lãi kể từ ngày 23/07/2022 (ngày đối chiếu tiền nợ) cho đến ngày Tòa án giải quyết vụ án.

Bị đơn là bà Trần Thị O, trình bày ý kiến như sau:

Bà O thừa nhận lời trình bày của bà B về số tiền vay và thời gian trả nợ, là đúng (còn nợ bà B số tiền gốc là 932.000.000 đồng và thỏa thuận thời hạn trả cuối năm 2022). Nhưng về lãi suất chậm trả tiền, thì hai bên thỏa thuận là 0,6%/tháng, không phải là 1,66%/tháng như lời bà B khai.

Khi chưa đến hạn trả nợ, vào ngày 15/11/2022, bà B đến nhà bà O, yêu cầu ghi giấy xác nhận sự việc bà B không nợ ông Đinh Văn T4 (là người chồng của bà O, đã chết vào ngày 15/11/2018), nhưng bà O không đồng ý. Sau đó, bà O

tìm thấy sổ ghi nợ của ông T4, thì mới biết rằng bà B còn nợ tiền, nợ vàng chưa trả, cụ thể như sau:

-Vào ngày 23/12/2004, bà B vay số tiền là 50.000.000 đồng, hẹn 10 ngày trả; bà O không biết lãi suất cho vay là bao nhiêu (vì ông T4 là người trực tiếp cho vay);

-Vào ngày 04/04/2005, bà B vay 40 chỉ vàng 24K hẹn 04 ngày trả, không tính lãi. Đến ngày 16/04/2005, bà B trả được 25 chỉ vàng 24K, còn nợ lại 15 chỉ vàng 24K, đến nay chưa trả;

-Vào ngày 04/07/2006, bà B vay số tiền 50.000.000 đồng, hẹn 05 ngày trả; bà O không biết lãi suất là bao nhiêu (vì ông T4 là người trực tiếp cho vay);

-Vào ngày 12/01/2008, bà B vay số tiền 100.000.000 đồng, hẹn 01 tuần trả nhưng đến ngày 15/01/2008, bà B xin gia hạn 02 tháng. Người ký nhận số tiền vay 100.000.000 đồng là ông Phạm Ngọc T5, là con trai bà B, nhưng đây là khoản tiền ông T4 cho bà B vay;

-Vào ngày 23/01/2008, bà B vay 07 chỉ vàng 24K, không hẹn ngày trả;

-Vào ngày 14/05/2010, bà B vay số tiền 50.000.000 đồng, không ghi thời hạn trả nợ, không thỏa thuận lãi suất;

-Vào ngày 21/10/2011, bà B vay số tiền là 53.000.000 đồng, đã trả lãi trước nửa tháng. Đến ngày 20/01/2012, con trai bà B (là ông Phạm Văn T3) mang tiền trả thay bà B, số tiền là 50.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền gốc là 3.000.000 đồng; ông T4 tính tiền lãi là 1%/tháng, tính từ ngày 21/10/2011 đến ngày trả tiền là 20/01/2012 là 03 tháng là 5.500.000 đồng; bà B trả được 900.000 đồng tiền lãi của 2 tháng; còn nợ lại số tiền lãi 4.600.000 đồng của số tiền gốc là 53.000.000 đồng;

-Vào ngày 23/01/2014, bà B vay số tiền là 100.000.000 đồng, hẹn 05 ngày trả, không ghi lãi suất;

-Vào ngày 28/05/2014, bà B vay số tiền là 30.000.000 đồng với thời hạn 01 tháng, không rõ lãi suất;

-Vào ngày 02/05/2014, bà B vay số tiền là 20.000.000 đồng, không thỏa thuận thời hạn trả nợ;

-Vào năm 2017 (không nhớ ngày nào), bà B vay của ông T4 số tiền là 500.000.000 đồng. Đến năm 2019, khi bà B đến nhà, bà O đưa giấy nợ ra thì bà B nói rằng đã trả nợ rồi nên xé bỏ giấy nhận nợ.

Như vậy, tổng cộng bà B vay và còn nợ của ông T4 là 904.600.000 đồng và 22 chỉ vàng 24k.

Ngoài ra, vào ngày 11/04/2020, bà O có trả cho bà B số tiền gốc là 35.000.000 đồng, nhưng chưa được đối chiếu vào ngày 23/07/2022.

Vì vậy, bà O thừa nhận rằng đến ngày 03/08/2022, còn nợ bà B số tiền gốc là 932.000.000 đồng. Nhưng ngược lại, bà B còn nợ bà O (tổng cộng các khoản tiền, vàng mà ông T4 cho vay), là 939.600.000 đồng và 22 chỉ vàng 24K.

Đối trừ với số tiền bà B đòi nợ, thì còn thừa 7.600.000 đồng và 22 chỉ vàng 24k (939.600.000 đồng và 22 chỉ vàng 24k – 932.000.000 đồng = 7.600.000 đồng và 22 chỉ vàng 24k). Bà O không đòi lại số tiền 7.600.000 đồng, nhưng đòi bà B phải trả 22 chỉ vàng 24K còn nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, là ông Phạm Văn T3, trình bày ý kiến như sau:

Vào ngày 12/01/2008 bà B (là mẹ của ông T3) vay số tiền 100.000.000 đồng của ông T4, nhờ ông T3 đến nhà ông T4 để lấy số tiền này, nên ông T3 đã ký tên vào giấy biên nhận (về thực tế, đây là tiền bà B vay của ông T4). Vào ngày 20/01/2012, ông T3 thay bà B, trả cho ông T4 50.000.000 đồng là trả vào khoản tiền bà B vay ngày 21/10/2011.

Trước đây, khi bà B và ông T4 làm ăn chung với nhau, thì ông T3 thường mang tiền, vàng đưa cho ông T4, có khi có cả bà O ở nhà. Vì tin tưởng, nên mỗi lần mang tiền ra trả nợ, thì không yêu cầu được lấy lại giấy tờ gốc. Theo ông T3, thì những khoản nợ mà bà O yêu cầu phản tố, thì bà B đều đã trả rồi.

Ông T3 không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các ông/bà Đinh Thị Mai T, Đinh Thị Mai T1, Đinh Thị Thu Y, Đinh Văn T2, Đinh Thị Tú A trình bày ý kiến như sau:

Ông/bà là con ruột của ông T4 và bà O. Tất cả 5 người đều đồng ý với ý kiến của bà O và không có ý kiến gì thêm.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 49/2023/DS-ST ngày 07/6/2023, Toà án nhân dân huyện Lâm Hà đã xét xử như sau:

1/Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị B về việc "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản" với bị đơn bà Trần Thị O.

1.1/Buộc Trần Thị O phải trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền gốc là 932.000.000đồng, số tiền lãi là 78.387.413 đồng. Tổng cộng, cả tiền gốc và tiền lãi là 1.010.387.413 đồng.

1.2/Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bà Trần Thị O về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị B phải trả số tiền 939.600.000 đồng và 22 chỉ vàng 24K.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành của các đương sự.

Vào ngày 15/06/2023, bà O có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm: chỉ đồng ý trả tiền lãi theo lãi suất đã thỏa thuận trong giấy mượn tiền ngày 03/08/2022 (là 0,6%/năm); đề nghị chấp nhận yêu cầu phản tố của bà O, buộc bà B phải trả số tiền 939.600.000 đồng và 22 chỉ vàng 24K mà bà B đã vay của ông T4.

Tại bản án dân sự phúc thẩm số 156/2023/DS-PT ngày 29/8/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử như sau:

1/Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị O. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2/Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị B về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" với bị đơn bà Trần Thị O.

Buộc Trần Thị O phải trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền gốc là 932.000.000 đồng, số tiền lãi là 78.387.413 đồng. Tổng cộng, cả tiền gốc và tiền lãi là 1.010.387.413 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3/Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bà Trần Thị O về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị B phải trả số tiền 939.600.000 đồng và 22 chỉ vàng 24K.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí, quyền yêu cầu thi hành án.

Vào ngày 03/10/2023, bà O có đơn đề nghị xem xét lại bản án phúc thẩm nói trên.

Tại quyết định số 182/QĐ-VKS-DS ngày 11/07/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị bản án phúc thẩm số 156/2023/DS-PT ngày 29/08/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; đề nghị Ủy ban Thẩm phán-Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh hủy bản án phúc thẩm và hủy bản án sơ thẩm số 49/2023/DSST ngày 07/06/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng; giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm;

Lý do như sau:

-Đối với yêu cầu khởi kiện của bà B: có căn cứ xác định bà O còn nợ bà B số tiền 932.000.000 đồng, hẹn trả nợ vào cuối năm 2022, lãi suất vay là 0,6%/năm theo giấy nợ ghi ngày 03/08/2022. Tòa án buộc bà O trả số tiền gốc là đúng, nhưng xác định lãi suất là 10%/năm, là không đúng pháp luật;

-Đối với yêu cầu phản tố của bà O: kèm theo yêu cầu phản tố, bà O xuất trình được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của đương sự, ít nhất là đối với số tiền 404.600.000 đồng và 22 chỉ vàng 24k. Ngoài ra, kèm theo đơn khiếu nại theo thủ tục giám đốc thẩm, bà O xuất trình 02 giấy biên nhận mới (giấy ghi ngày 08/02/2006 và giấy ghi ngày 20/01/2010), thể hiện bà B còn nợ thêm 16 chỉ vàng 24k chưa trả.

Với những tài liệu, chứng cứ như vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm xét xử chỉ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của bà B mà không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà O, là không đúng pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Ủy ban Thẩm phán-Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Xét về yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B:

Bà Nguyễn Thị B khởi kiện, đòi bà Trần Thị O phải trả số tiền vay là 932.000.000 đồng, cùng với tiền lãi tính từ ngày 23/07/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất là 1,66%/tháng.

Bằng chứng mà bà Nguyễn Thị B xuất trình là giấy biên nhận, trong đó ghi ngày xác nhận nợ sau cùng là ngày 03/08/2022, số tiền vốn gốc là 932.000.000 đồng, lãi suất là 0,6%/năm.

Về số tiền vốn gốc, hai bên cùng thừa nhận là đúng.

Riêng về lãi suất, hai bên có ý kiến khác nhau:

-Bà Nguyễn Thị B cho rằng lãi suất là 1,66%/tháng, nhưng bà Trần Thị O ghi nhầm thành 0,6%/năm;

-Ngược lại, bà Trần Thị O cho rằng lãi suất là 0,6%/tháng và đồng ý trả theo lãi suất này.

Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm cho rằng trong trường hợp nói trên, hai bên có tranh chấp về lãi suất, nên phải áp dụng Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, xác định lãi suất là 10%/năm và buộc bà Trần Thị O phải trả tiền lãi cho bà Nguyễn Thị B theo lãi suất này; việc xét xử Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm như vậy, là không đúng pháp luật (do đánh giá không đúng về chứng cứ), cụ thể như sau:

-Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nói về trường hợp Tòa án có quyền ấn định lãi suất trong giao dịch vay tài sản như sau:

"*2/Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ*".

Theo điều luật dẫn chiếu nói trên, thì Tòa án chỉ có quyền ấn định lãi suất trong giao dịch vay tài sản giữa các đương sự, khi và chỉ khi *".....các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất...."*. Trong khi đó, giấy biên nhận xác lập giữa hai bên đương sự đã ghi nhận rõ ràng một lãi suất duy nhất (là 0,6%/năm) và giấy này do chính chủ nợ (bà Nguyễn Thị B) thủ giữ và xuất trình tại Tòa án; việc tranh chấp giữa hai bên (về lãi suất) chỉ bằng lời nói. Trong trường hợp này, phải đánh giá rằng chứng cứ bằng văn bản sẽ có giá trị phủ nhận mọi lời nói, mọi diễn giải khác đi nhưng không có bằng chứng khả tín kèm theo.

Vì vậy, trong trường hợp nói trên, nếu không có sự thỏa thuận nào khác, lãi suất sẽ được xác định theo giấy biên nhận đã xác lập giữa hai bên đương sự (trong quá trình xét xử, bà Trần Thị O chấp nhận lãi suất 0,6%/tháng, là đã có lợi cho bà Nguyễn Thị B).

[2]Xét về yêu cầu phản tố của bà Trần Thị O:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị O đưa ra yêu cầu phản tố, đòi bà Nguyễn Thị B phải trả lại số tiền 904.600.000 đồng và 22 chỉ vàng 24k, là khoản tiền mà bà Nguyễn Thị B đã vay từ ông Đinh Văn T4 (là người chồng của bà Trần Thị O, đã chết vào ngày 15/11/2018) trong khoảng thời gian từ năm

2004 cho đến năm 2014; bà Trần Thị O xuất trình các giấy biên nhận để chứng minh cho yêu cầu của đương sự (bút lục 21-28).

Mặc dù bà Nguyễn Thị B không đưa ra được bằng chứng bằng văn bản để chứng minh rằng đương sự đã trả xong tất cả những khoản tiền mà bà Trần Thị O nêu ra, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm vẫn không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Trần Thị O vì cho rằng những khoản tiền vay đó phát sinh từ trước khi hai bên đối chiếu, xác nhận nợ lần sau cùng vào ngày 03/08/2022, suy đoán rằng món nợ đã có thể thanh toán cho nhau xong từ trước đó.

Lập luận nói trên của Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm là chưa có căn cứ vững chắc bởi lý do như sau:

-Số tiền 904.600.000 đồng và 22 chỉ vàng 24k, là khoản tiền mà bà Nguyễn Thị B đã vay từ ông Đinh Văn T4 (là người chồng của bà Trần Thị O, đã chết vào ngày 15/11/2018) trong khoảng thời gian từ năm 2004 cho đến năm 2014. Đây là giao dịch riêng giữa bà Nguyễn Thị B và ông Đinh Văn T4, chỉ có bằng chứng từ ông Đinh Văn T4 hoặc sự thừa nhận từ bà Trần Thị O thì mới có căn cứ để kết luận rằng món nợ này đã được trả hay chưa trả;

-Giấy mượn tiền, trong đó ghi nhận giao dịch ngày 31/01/2022, ngày 23/07/2022, ngày 03/08/2022 (bút lục 10) mà bà Nguyễn Thị B xuất trình, không thể hiện rằng tính đến ngày 03/08/2022, thì món nợ 904.600.000 đồng và 22 chỉ vàng 24k đã được bà Nguyễn Thị B trả xong;

-Về nguyên tắc đánh giá chứng cứ, một giao dịch vay tiền khi đã được xác lập bằng văn bản (vẫn đang do chủ nợ nắm giữ), muốn chứng minh rằng món nợ đã trả xong, thì chỉ có 02 cách: (a)Do sự thừa nhận của chủ nợ; (b)Có văn bản chứng minh rằng món nợ đã trả xong.

[3]Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà Trần Thị O có đơn yêu cầu xem xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm; kèm theo đơn, đương sự xuất trình bản chính của 02 giấy biên nhận mới (ghi nhận các giao dịch vay tiền, vàng vào năm 2006; 2009; 2010) có chữ ký mang tên "Nguyễn Thị B" với tổng số món nợ là 16 chỉ vàng 24k (bút lục 127-128 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh); những tài liệu này chưa được đương sự xuất trình trong quá trình xét xử trước đây và chưa được Tòa án xem xét.

[4]Với những tài liệu, chứng cứ và diễn biến của vụ án đã được phân tích nói trên, thì có căn cứ kết luận rằng việc xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm là chưa có căn cứ pháp luật vững chắc.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 325; Điều 334; Điều 337; Điều 342; Điều 343; Điều 348 và Điều 349 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1/Chấp nhận kháng nghị số 182/2024/QĐ-VKS-DS ngày 11/07/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Hủy bản án dân sự phúc thẩm số 156/2023/DS-PT ngày 29/08/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng và hủy bản án dân sự sơ thẩm số 49/2023/DS-ST ngày 07/06/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng xét xử vụ án "*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản"* giữa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị B; bị đơn là bà Trần Thị O (và những người khác tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan).

2/Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

3/Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực kể từ ngày ra quyết định ./.

Nơi nhận:
- Đ/c Chánh án (để báo cáo);
- Vụ pháp chế và quản lý khoa học;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu: Phòng GĐKTII, Phòng LTHS, HS, THS.

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thanh Tùng